TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **128**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2018
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B-TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh - Cán bộ hưu trí

2. Bà Thiều Thị Phi Loan - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhàn– Thư ký Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. B: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2729/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2018/QĐXX-ST ngày 20/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 565/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng L, sinh năm 1975

Địa chỉ: khu phố 9, phường T, TP.B, Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hạnh P, sinh năm 1971

Địa chỉ: khu phố 9, phường T, TP.B , Đồng Nai.

(Bà L có mặt, ông P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hạnh P xây dựng gia đình với nhau năm 1993 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, là hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không có sự áp đặt, cưỡng ép của gia đình. Quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian, đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống,

tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không còn tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Hạnh P.

Về con chung: Có 02 cháu là Nguyễn Quốc V, sinh năm 1994 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 16/6/2000. Ly hôn bà giao cháu V cho ông P nuôi dưỡng , không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Hạnh P trình bày:

Ông không đồng ý ly hôn với bà L vì ông vẫn còn tình cảm và mong muốn níu kéo lại hạnh phúc gia đình.

Về con chung : Có 02 cháu là Nguyễn Quốc V, sinh năm 1994 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 16/6/2000. Ly hôn ông xin nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt, triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Nguyễn Hạnh P vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mộng L và ông Nguyễn Hạnh P xây dựng gia đình với nhau vào năm 1993 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bà L khởi kiện vụ án xin ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà L xét thấy: Theo bà L trình bày thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không còn tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau. Theo ông P trình bày ông không đồng ý ly hôn với bà L. Vì ông vẫn còn tình cảm với bà L.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã cố gắng hòa giải nhưng bà L vẫn kiên quyết xin ly hôn còn ông P mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng vẫn vắng mặt. Điều này thể hiện ông P cũng không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không cố gắng khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng có thể hàn gắn, đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà L, cho bà L được ly hôn với ông P.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà L và ông P có 02 con chung tên là Nguyễn Quốc V, sinh năm 1994 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 16/6/2000. Bà L đồng ý giao cháu V cho ông P nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, đối với cháu Nguyễn Quốc V, sinh năm 1994 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 16/6/2000 thì ông P yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V và cháu V cũng có ý kiến được sinh sống cùng với ông P, tạm thời không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, bà L cũng đồng ý giao cháu V cho ông P nuôi dưỡng. Vì vậy, giao cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 16/6/2000 cho ông Nguyễn Hạnh P nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, tạm thời bà L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà L được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà L phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 16/6/2000 cho ông P nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết; Về án phí: bà L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 ; Điều 235; Điều 238; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mộng L và ông Nguyễn Hạnh P.

- Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà L và ông P có 02 con chung tên là Nguyễn Quốc V, sinh năm 1994 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết. Riêng cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 16/6/2000 thì giao cho ông P nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, tạm thời bà L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì không trực tiếp nuôi con nên bà L được quyền thăm nuôi, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết ông, bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

- Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà L phải chịu 300.000đ, trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B theo biên lai thu số 003821 ngày 15/12/2017

Bà L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và ông P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án hoặc kể từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh Đồng Nai;
-VKSND TP.B;
-THADS TP.B;
-Các đương sự (2);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu (3).

Nguyễn Thị Ngọc Trí

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**